

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/HS - ST

Ngày 11 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Anh Dũng.

2. Ông Nguyễn Thế Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Sặng Nỏ Ly - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2024/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T** - Sinh năm 1992; Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Lò Văn L và bà Đèo Thị O; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không, tiền sự: Tại quyết định số 04/QĐ ngày 26/12/2023 của Công an xã C, huyện M, xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 08/01/2024 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn S, huyện M tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Trung Q, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Bản G, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Ông Lò Văn L1, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 21/12/2023 T một mình đi bộ từ nhà ra bờ Sông Mã đoạn thuộc bản Z II, xã C, huyện M thì phát hiện có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream của ông Nguyễn Trọng T dựng ở gần bãi cát, T quan sát thấy chìa khoá vẫn cắm ở ổ điện, do đó nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên T đã tiến lại gần bật ổ khoá điện và điều khiển xe mô tô đi về. Ngày 22/12/2023 T tháo yếm xe mô tô giấu ở nhà, sau đó điều khiển xe đi tìm chỗ nơi tiêu thụ, trên đường đi T tháo biển kiểm soát ra vứt xuống dòng Sông Mã, sau đó T bán chiếc xe cho anh Nguyễn Trung Q được số tiền 5.000.000 đồng. Quá trình mua bán xe, T không nói cho Q biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, số tiền bán xe T đã chi tiêu cá nhân hết, còn lại 495.000 đồng. Ngày 08/01/2024 T biết được thông tin Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã đã đến làm việc với anh Nguyễn Trung Q xác minh, tìm kiếm chiếc xe mô tô có đặc điểm như chiếc T đã lấy trộm nên T đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã để đầu thú về hành vi của bản thân và giao nộp số tiền 495.000 đồng, chiếc yếm xe mô tô.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL ngày 09/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sông Mã, kết luận: *Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Super Dream biển kiểm soát 17L4 - 1935, đã qua sử dụng; Trị giá 9.000.000 đồng.*

Tại bản kết luận giám định số 359/KL ngày 16/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận: *Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật.*

Kết quả khám nghiệm hiện trường vụ Trộm cắp tài sản, lập vào hồi 09 giờ 15 phút ngày 14/01/2024: xác định được hiện trường xảy ra vụ án là khu đất vườn của gia đình ông Lò Văn Hùng, tại bản Z II, xã C, huyện M. Phía Đông tiếp giáp với ruộng của bản Z II; phía Tây tiếp giáp với vườn của gia đình ông Nguyễn Đình Chính; phía Nam tiếp giáp với khu ruộng của bản Z II; phía Bắc tiếp giáp đường dân sinh bản Z II. Quá trình khám nghiệm đã tiến hành xác định vị trí dựng xe, phù hợp với đặc điểm vị trí và lời khai người bị hại và bị cáo.

Quá trình điều tra đã tiến hành truy tìm đối với biển số xe mô tô 17L4 - 1935, nhưng không tìm được.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKSSM ngày 18 tháng 3 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Lò Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Lò Văn T từ 09 tháng - 01 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung. Xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 495.000đ. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về dân sự: Chấp nhận người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường xong tổng số tiền là 5.000.000 đồng. Không ai có yêu cầu, đề nghị bồi thường gì thêm.

- Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra vụ án ông Thắng đã được ông Lò Văn L1 là bố đẻ bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000đ, nhưng ông Thắng đã đưa cho anh Nguyễn Trung Q số tiền này để hỗ trợ anh Q tiền đã bỏ ra để mua xe từ bị cáo do anh Q đã giao nộp xe cho Cơ quan cảnh sát điều tra. Sau đó, ông Thắng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại xe mô tô, ông nhất trí không có ý kiến gì. Không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nữa, về hình phạt đối với bị cáo đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung Q trình bày: Khi anh mua chiếc xe do bị cáo bán cho anh không biết chiếc xe là do trộm cắp mà có, sau đó anh đã giao nộp lại chiếc xe cho cơ quan cảnh sát điều tra. Anh đã được ông Nguyễn Trọng T trả cho tiền đã mua xe từ bị cáo là 4.000.000đ và được ông Lò Văn L1 là bố đẻ bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000đ, như vậy anh đã nhận đủ số tiền 5.000.000đ bỏ ra để mua xe từ bị cáo. Anh nhất trí với việc này và không có ý kiến đề nghị gì.

- Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn L1 trình bày: Sau khi sự việc xảy ra ông đã thay mặt bị cáo đang bị tạm giam bồi thường cho ông Thắng số tiền là 4.000.000đ và bồi thường cho anh Q số tiền 1.000.000đ, ông được biết ông Thắng đã đưa số tiền 4.000.000đ này cho anh Q để trả tiền anh Q đã bỏ ra để mua xe từ bị cáo. Ông không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền này.

- Tại phiên tòa bị cáo nhất trí với nội dung bản cáo trạng và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với ý kiến của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến tranh luận gì và khi được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Sông Mã, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các chứng cứ xác định tội danh: Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau

- Kết luận định giá tài sản ngày 09/01/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự của UBND huyện Sông Mã; Kết luận giám định số 359/KL - KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Sơn La; Bản ảnh vật chứng lập ngày 09/01/2024, bản ảnh hiện trường lập ngày 14/12/2023, biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 14/01/2024 do CQCSĐT công an huyện Sông Mã lập; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú lập ngày 08/01/2024.

- Lời khai nhận tội của bị cáo, lời trình báo của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Lời khai nhận tội của bị cáo về thời gian địa điểm, diễn biến của hành vi phạm tội tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không có thay đổi, bổ sung gì về lời khai làm thay đổi nội dung vụ án và khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 21/12/2023 lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu bị cáo đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt được 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 17L4 - 1935 có trị giá 9.000.000đ. Hành vi bị cáo thực hiện đã phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt từ “*phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

[3] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, sau khi biết hành vi phạm tội bị phát hiện đã chủ động đến cơ quan công an để đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bản thân bị cáo là người nghiện ma túy cho thấy ý thức chấp hành pháp luật kém.

[4] Về tính chất của vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được việc Trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, là mầm mống phát sinh các loại tội phạm khác, gây bức xúc trong xã hội.

Vì vậy, cần có một mức án tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo để đưa ra một mức án phù hợp nhất, xét nhân thân của bị cáo là người nghiện ma túy do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có cơ hội cai nghiện ma túy và được giáo dục một cách nghiêm khắc để thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và cũng đảm bảo biện pháp răn đe, phòng ngừa chung, góp phần thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội tại địa phương.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với số tiền 495.000đ là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô là tài sản bị bị cáo trộm cắp được xác định được là tài sản hợp pháp của người bị hại Nguyễn Trọng T đã được CQCSĐT trả lại cho người bị hại là có căn cứ chấp nhận.

Đối với anh Nguyễn Trung Q khi mua lại chiếc xe từ bị cáo không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Giữa ông Lò Văn L1 là bố đẻ của bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường và bồi thường xong cho người bị hại Nguyễn Trọng T số tiền là 4.000.000đ, cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung Q số tiền là 1.000.000đ; người bị hại đã tự nguyện trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung Q số tiền 4.000.000đ mà mình được bồi thường và không có đề nghị gì thêm, ông Linh không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn. Xét, đây là ý chí tự nguyện của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không vi phạm đạo đức và điều cấm của luật nên HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 495.000đ được đựng trong 01 phong bì đã niêm phong theo đúng quy định; mặt sau phong bì trên giấy niêm phong có mã số 0007915.

Theo Quyết định chuyển vật chứng số 51/QĐ – VKSSM ngày 18/3/2024 của VKSND huyện Sông Mã và theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/3/2024 giữa Công an và Chi cục T hành án dân sự huyện Sông Mã.

Chấp nhận việc CQCSĐT công an huyện Sông Mã đã trả lại xe mô tô cho anh Nguyễn Trọng T.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự

Chấp nhận việc người bị hại Nguyễn Trọng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn L1 đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong số tiền là 4.000.000đ, và người bị hại đã tự nguyện trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung Q số tiền 4.000.000đ này.

Chấp nhận việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn L1 đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong số tiền là 1.000.000đ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung Q.

Chấp nhận việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn L1 không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền đã bồi thường cho bị hại Nguyễn Trọng T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung Q thay cho bị cáo.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Các Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/4/2024), người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Chung

Đỗ Anh Dũng

Hoàng Thị Nhung

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo;
- Người bị hại:
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Hoàng Thị Nhung

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Nhung

